

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 376 UBND-VHXXH

Hà Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2020

V/v hướng dẫn công nhận, quy đổi
chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng
lực 6 bậc dùng cho Việt Nam
trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22/10/2014 của Bộ Nội vụ về việc “quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ”; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1138/TTr-SGDĐT ngày 10/11/2020 về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Giang,

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tạm thời việc công nhận, quy đổi chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ sử dụng trong việc bổ nhiệm cán bộ quản lý; tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; xét/thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các công việc khác có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ trong nước

a) Công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị trong nước được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức thi, cấp chứng chỉ sau đây:

- Các chứng chỉ A, B, C được cấp theo quy định tại Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ GD&ĐT, được tổ chức tại các khóa thi trước ngày 17/12/2008 (căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 về việc ban hành chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành).

- Các chứng chỉ A, B, C đã được cấp theo quy định tại Quyết định số 30/QĐ-TCBT ngày 06/6/2008 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên, được tổ chức tại các khóa thi trước ngày 15/01/2020 (căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ GD&ĐT về việc bãi bỏ các quy định kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo

chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/QĐ-TCBT ngày 06/6/2008).

- Các chứng chỉ tiếng Anh thực hành A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GD&ĐT về việc quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành, được tổ chức tại các khóa thi trước ngày 15/11/2017 (căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

- Chứng chỉ tiếng Anh của các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT về việc thông báo danh sách các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

b) Chứng chỉ ngoại ngữ trong nước quy đổi như sau:

Chuẩn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Trình độ theo QĐ số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008	Trình độ theo QĐ số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993, QĐ số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008
Bậc 6	Trình độ C2	
Bậc 5	Trình độ C1	
Bậc 4	Trình độ B2	
Bậc 3	Trình độ B1	Trình độ C
Bậc 2	Trình độ A2	Trình độ B
Bậc 1	Trình độ A1	Trình độ A

2. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

- Công nhận các chứng chỉ/chứng nhận năng lực, trình độ tiếng Anh quốc tế, TOEFL, IELTS, TOEIC, Cambridge đối với các tổ chức được bộ GD&ĐT cho phép tổ chức thi cấp chứng chỉ quốc tế như: Công ty IIG Việt Nam được uỷ quyền cấp chứng chỉ TOEFL và chứng chỉ TOEIC; Trung tâm Giáo dục quốc tế IDP; Hội đồng Anh được uỷ quyền tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ IELTS; các trung tâm được uỷ quyền tổ chức thi cấp chứng chỉ Cambridge English¹

¹ Công văn số 1616/QLCL-QLVBCC ngày 18/7/2018 của Bộ GD&ĐT về việc công nhận chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ/tin học.

- Các chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh và các ngoại ngữ khác của các đơn vị đủ điều kiện cấp theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Căn cứ các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành², chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác được quy đổi theo các bảng sau đây:

a) Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ CEFR	IELTS	TOEFL ITP	TOEFL IBT	TOEIC	TOEIC Bridge	Cambridge ESOL Esams	Chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
C2	7.5+	650 - 677	110 - 120	945 - 990		CPE (PASS)	6
C1	6.5 - 7.0	590 - 649	94 - 109	850 - 940		CAE (PASS)	5
B2	5.0 - 6.0	500 - 589	46 - 93	600 - 845	90 - 100	FCE (PASS)	4
B1	4.0 - 4.5	450 - 499	31 - 45	450 - 595	76 - 89	PET (PASS)	3
A2	3.0 - 3.5	337 - 449	30	225 - 445	43 - 75	KET (PASS)	2
A1	<3.0	<337	<30	120 - 220	30 - 42	KET (PASS)	1

² Công văn số 6089/BGDĐT-GDTrX ngày 27/10/2014 về việc phúc đáp công văn số 4453/BNV-CCVC; Phụ lục III kèm theo Thông tư 05/2012-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT; Phụ lục II kèm theo Thông tư 15/2014-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; bảng quy chuẩn trình độ kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GD&ĐT; Công văn số 3762/BGDĐT-GDTrH ngày 05/6/2013 của Bộ GD&ĐT về việc công nhận chứng chỉ TOEFL ITP khi xem xét năng lực ngoại ngữ; Công văn số 642/BGDĐT-ĐAN ngày 25/01/2013 của Bộ GD&ĐT về trả lời Công văn số 998/IIG-HCNS của Công ty Cổ phần IIG về việc cho phép tổ chức các bài thi trong hệ thống TOEIC VÀ TOEFL tại Việt Nam; Công văn số 991/BGDĐT-QLCL ngày 15/3/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi THPT Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2018;

b) Bảng quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ khác (do tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp hợp pháp)

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Chuẩn khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
TRKI 4	DEL F C2		HSK cấp độ 6	JLPT N1	TOPIK II Level 6	6
TRKI 3	DEL F C1		HSK cấp độ 5	JLPT N2	TOPIK II Level 5	5
TRKI 2	DEL F B2 TCF niveau 4	B2 test DaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3	TOPIK II Level 4	4
TRKI 1	DEL F B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK II Level 3	3
TBU	DEL F A2	A2	HSK cấp độ 2	JLPT N5	TOPIK I Level 2	2
TEU	DEL F A1	A1	HSK cấp độ 1		TOPIK I Level 1	1

Nội dung nêu trên được thay thế cho những văn bản trước đây về hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ căn cứ tình hình thực tế và các văn bản liên quan để sửa đổi hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, NCPC, VHXXH.

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Đức Quý